

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10-01-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Bà Nguyễn Thị Minh Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Phương M; nơi cư trú: Số 13 Phạm Minh Đ, phường MT, quận NQ, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T; nơi cư trú: Australia, vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện nguyên đơn là chị Vũ Phương M trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống giữa chị và anh Phạm Văn T nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, lối sống, giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cả hai cũng đã cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay bản thân chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không thể nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung và tài sản chung: Giữa chị M và anh T không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Trong đơn xin ly hôn gửi về Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày:* Thống nhất với chị Vũ Phương M về quá trình kết hôn, về con chung, về tài sản chung cũ ng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ

chồng. Anh Phạm Văn T cũng xác định tình cảm vợ chồng hiện không còn nên anh cũng thống nhất với chị Vũ Phương M và cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Phương M để anh sớm ổn định cuộc sống.

Do anh Phạm Văn T đang ở nước ngoài và không yêu cầu hòa giải nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải.

*Tại phiên tòa:* Chị Vũ Phương M có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn xin ly hôn và các bản tự khai. Anh Phạm Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Phương M và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 7 năm 2014, theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Phạm Văn T hiện đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Phạm Văn T đang sinh sống ở nước ngoài, tài liệu anh gửi về đã được Tổng Lãnh sự Quán Việt Nam tại Sydney, Australia xác nhận đồng thời anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt và ủy quyền cho chị Vũ Phương M nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

[3] Về hôn nhân: Lời khai của chị Vũ Phương M thống nhất với lời khai của anh Phạm Văn T về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, đồng thời lời khai của anh chị cũng phù hợp với ý kiến của đại diện gia đình. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa anh Phạm Văn T và chị Vũ Phương M có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, trong cuộc sống tình cảm vợ chồng không có sự gắn kết, ngày càng phai nhạt. Cả chị M và anh T cũng như gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng đều không có kết quả. Nay cả hai cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, như vậy việc chị Vũ Phương M xin ly hôn là hoàn toàn chính đáng. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Phương M và anh Phạm Văn T đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Vũ Phương M.

[4] Về nuôi con và chia tài sản: Chị Vũ Phương M và anh Phạm Văn T khai thống nhất không có con chung, không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Vũ Phương M là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Vũ Phương M và anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Phương M được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung và chia tài sản: Chị Vũ Phương M và anh Phạm Văn T không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị Vũ Phương M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001518 ngày 14 tháng 12 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Vũ Phương M đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị Vũ Phương M được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thu Hương**